



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 08 (19/02-23/02/24)

*Xu hướng tăng điểm duy trì hướng
về mục tiêu 1,250 điểm*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Xu hướng tăng điểm duy trì hướng về mục tiêu 1,250 điểm*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *Vượt vùng tích lũy, VN-Index hướng về đỉnh cũ tại 1,250 điểm*

4. TIN VĨ MÔ: *Chỉ số CPI tháng 1 của Hoa Kỳ tăng 0.3% so với T12*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +2.97%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Xu hướng tăng điểm duy trì hướng về mục tiêu 1,250 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1209.70	0.93%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,015.16	21.00%
Khối ngoại (tỷ VND)	-728.19	
HNX-INDEX	233.04	0.87%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1253.48	-12.82%
Khối ngoại (tỷ VND)	-62.33	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	5005.57	-0.48%	-0.42%	3.42%
EU (EURO STOXX)	4765.65	0.47%	1.06%	7.12%
China (SHCOMP)	2865.90	0.00%	0.00%	1.19%
Japan (NIKKEI)	38487.24	0.86%	4.31%	7.02%
Korea (KOSPI)	2648.76	1.34%	1.09%	7.12%
Singapore (STI)	3221.94	1.42%	2.67%	2.21%
Thailand (SET)	1386.27	-0.07%	-0.15%	0.27%
Phillipines (PCOMP)	6873.23	-0.13%	0.34%	5.68%
Malaysia (KLCI)	1533.55	0.34%	1.41%	3.17%
Indonesia (JCI)	7335.55	0.44%	1.39%	1.50%
Vietnam (VNIndex)	1209.70	0.60%	0.93%	2.39%

TTCK VIỆT NAM

Thị trường tăng điểm vững vàng sau kỳ nghỉ Lễ

VN-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 1,200 điểm với thanh khoản cải thiện khi dòng tiền trở lại sau kỳ nghỉ Lễ. Các cổ phiếu ngân hàng phân hóa tuy nhiên sự trở lại của các cổ phiếu họ VIC, GVR, VNM và HPG giúp VN-Index tăng 0.9% sau 2 phiên giao dịch đầu năm. Thị trường tăng điểm trên diện rộng với 62% và 12/18 ngành tăng điểm. Dòng tiền tiếp tục dịch chuyển nhanh trong tuần. Các Tài nguyên cơ bản, Dầu khí, Hàng và DV công nghiệp tăng trên 1% trong khi các ngành tăng trước kỳ nghỉ Lễ như Hóa chất, Công nghệ thông tin và Bán lẻ giảm từ 0.6-0.8%. Khối nội tích cực tham gia giao dịch, trái ngược với hoạt động bán ròng 30 triệu USD từ khối ngoại. Các chỉ báo kỹ thuật của VN-Index bước vào vùng quá mua, NĐT cân nhắc chốt lãi ở phiên tăng giá mạnh và và canh mua lại trong phiên rung lắc trong quá trình chỉ số tiếp tục xác lập vùng giá cao mới.

Lãnh đạo Bộ Công An trong hội nghị ngành ngày 15/2 chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án dư luận quan tâm, vụ án thuộc diện Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực Trung ương chỉ đạo. Trước đó thông tin cơ quan điều tra về những vụ đại án dự kiến xét xử trong năm 2024 gồm Vạn Thịnh Phát, Tân Hoàng Minh, FLC và Việt Á. Những vụ án trọng điểm này phần lớn diễn ra trong năm 2022 và đã từng ảnh hưởng đáng kể đến diễn biến TTCK. Các vụ đại án khi xét xử 2024 sẽ không còn yếu tố bất ngờ và mức ảnh hưởng dự kiến sẽ hạn chế dù vậy NĐT vẫn cần theo dõi sát sao, đặc biệt thời điểm TTCK đã ghi nhận mức tăng giá tốt và trở lên nhạy cảm với các thông tin.

TTCK THẾ GIỚI

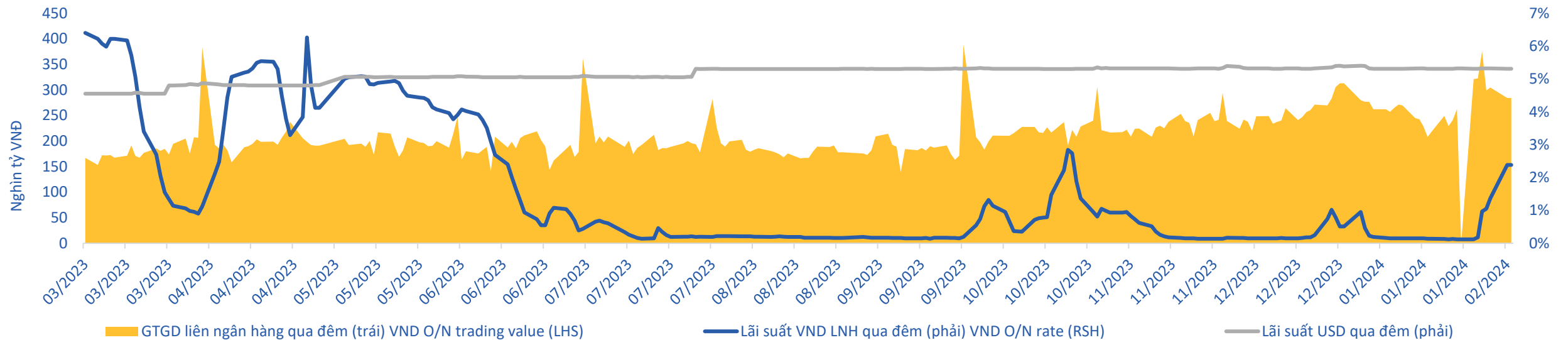
TTCK Hoa Kỳ ghi nhận kỷ lục mới sau phiên trao đảo 13/2 vì số liệu lạm phát

Sau phiên giảm mạnh 13/2, TTCK nhanh chóng hồi phục. Chỉ số S&P 500 lập kỷ lục mới trong phiên 15/2, khép lại tuần tăng giá nhẹ trong biên độ biến động lớn. Trái với diễn biến TTCK Hoa Kỳ, các chỉ số chính TTCK Châu Âu tăng tốt, EU600 tăng 0.7%, CAC và DAX tăng gần 1.5%. Các TTCK Châu Á cũng bùng nổ Nikkei 225 tăng 4.7%. CSI 300 tăng 4.5%. Sự phục hồi của TTCK Trung Quốc kết thúc chuỗi giảm điểm mạnh nhờ các cam kết ổn định thị trường. Chỉ số DXY tăng 0.2% trong khi lợi tức TPCP Hoa Kỳ 10y tăng lên mức 4.25%. Chỉ số hàng hóa giảm 1%, giảm mạnh chủ yếu từ giá gas và các mặt hàng nông sản như Lúa Mì, Đường, Chè từ 5%- 20%. NHTW các nước sẽ công bố biên bản chính sách tiền tệ thay thế tầm ảnh hưởng của mùa công bố KQKD.

CPI Hoa Kỳ tháng 1 tăng 0.3% mom và tăng 3.1% trong vòng 12 tháng, cao hơn 0.1% và 0.2% so với dự báo. CPI lõi tăng lần lượt 0.4% và 3.9%. Chi phí nhà ở, chiếm hơn 30% rổ CPI, tăng 0.6% mom, và đóng góp 2/3 mức tăng CPI trong khi giá năng lượng giảm 0.9%. Nhật Bản công bố GDP quý IV giảm 0.1%, tiếp theo mức giảm 0.8% quý III và rơi vào suy thoái kỹ thuật cùng với Anh sau khi ghi nhận mức giảm 0.3% trong quý IV. Châu Âu tránh được suy thoái sau khi ghi nhận mức tăng trưởng 0% trong quý IV sau khi đã giảm 0.1% trong quý III. Số liệu mới công bố cho thấy khó khăn trong việc đảo chiều chính sách của FED, ECB và BOJ khi các yếu tố tiền quyết vẫn chưa ủng hộ cho khả năng này.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	2.38%	3.10%	3.18%	2.77%	3.06%	4.21%	5.69%
So với tuần trước	1.64%	2.24%	1.67%	1.30%	0.07%	-0.01%	0.14%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	284,108.00	150,127	13,437	1,976	2,253	193	5
So với tuần trước	-12.45%	1630.61%	126.34%	-78.24%	-4.14%	-71.82%	4.17%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 07/02/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng mạnh.

PTKT VN-INDEX: Vượt vùng tích lũy, VN-Index hướng về đỉnh cũ tại 1,250 điểm

Đồ thị ngày: Tiếp đà tăng điểm trước kỳ nghỉ lễ, VN-Index có những phiên tăng điểm theo đà bám dải bollinger band trên và củng cố xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Dải bollinger band đang mở rộng và hướng lên phía trên và các chỉ báo kỹ thuật đã đi vào vùng quá mua. Chỉ số cũng ghi nhận những phiên tăng điểm vượt qua ngưỡng tâm lý 1,200 điểm.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 69 lên 74 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu và mở rộng với mức 0. Thanh khoản cải thiện với chỉ 2 phiên giao dịch trong tuần.
- VN-Index vượt trên SMA 20, SMA 50, SMA 200 đồ thị ngày, vượt SMA200 đồ thị tuần.

Kết luận: VN-Index duy trì trạng thái tăng điểm trong nghi ngờ sau những nhịp giằng co với cây nến doji và củng cố bởi cây nến tăng điểm theo đà. Xu hướng tăng điểm được củng cố với thanh khoản cải thiện. VN-Index bám sát bollinger band trên và các chỉ báo kỹ thuật bước vào vùng quá mua phần nào cảnh báo về nhịp rung lắc trong ngắn hạn. Dù vậy, Diễn biến thị trường đang rất tích cực và VN-Index có thể hoàn thành bước sóng 3 của chu kỳ tháng 11/2023 có giá mục tiêu 1.68 lần bước sóng 1 tại 1,250 điểm trong vài tuần tới.

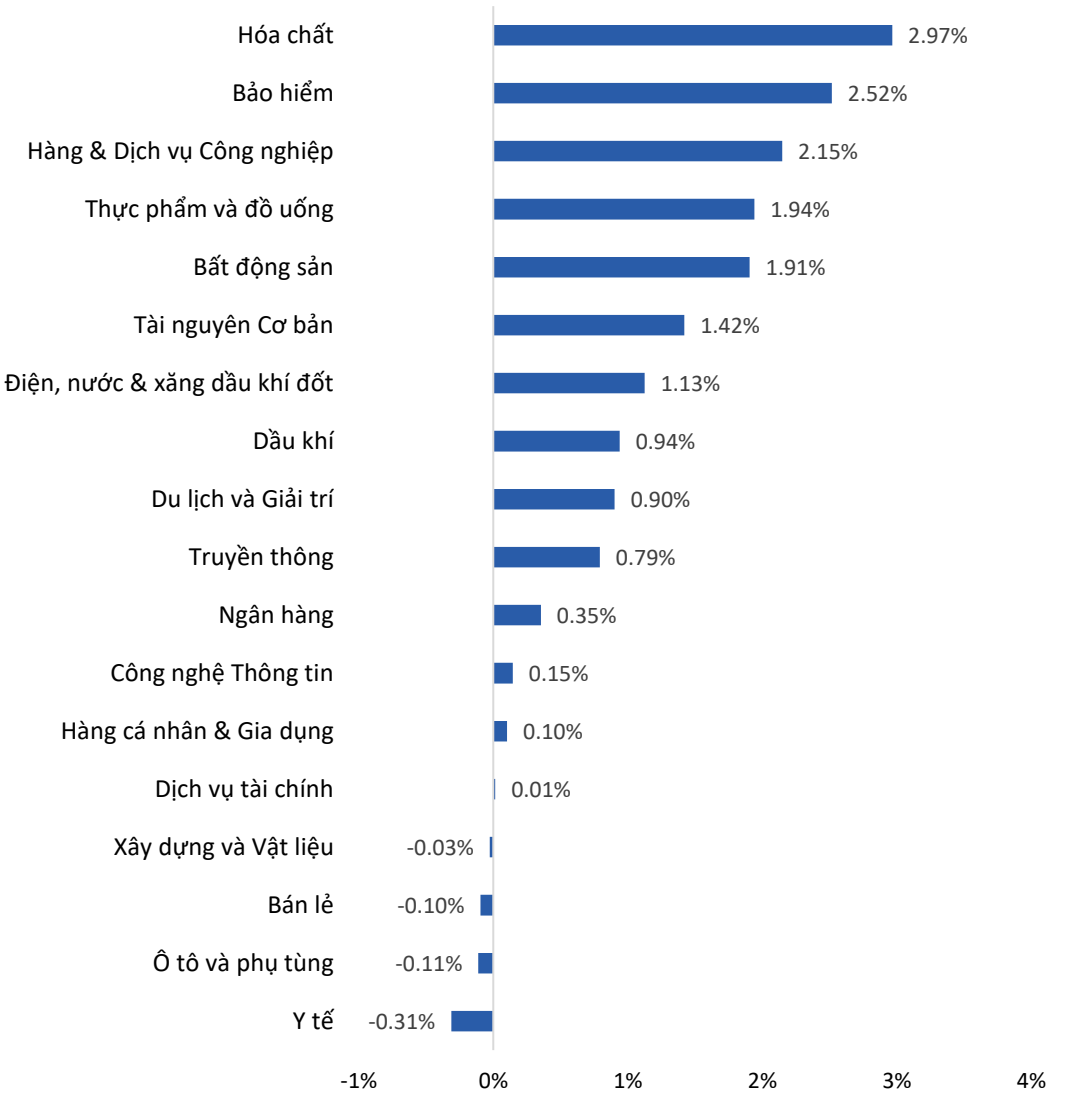


Nguồn: BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hóa chất	3.78%	2.97%	17.14%	DRC	0.90%	DGC	0.94%
Bảo hiểm	2.37%	2.52%	3.74%	BVH	2.28%	PVI	1.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.10%	2.15%	5.44%	GDM	4.00%	VSC	-1.20%
Thực phẩm và đồ uống	1.46%	1.94%	0.55%	VNM	2.94%	MSN	10.55%
Bất động sản	1.61%	1.91%	2.95%	VHM	3.32%	KDH	-1.35%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	79.19	1.49%	3.06%	8.11%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	83.47	0.74%	1.56%	6.90%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	233.6	0.76%	-0.15%	6.90%	HVN, VIC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2013.59	0.46%	-0.53%	-0.78%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.4207	2.17%	3.57%	3.53%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1176.25	0.88%	-1.16%	-3.82%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	559	-1.45%	-6.72%	-7.37%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.84	0.24%	-0.82%	4.66%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	296.1	2.53%	6.51%	9.02%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	22.59	1.57%	-3.05%	-0.79%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	186.7	0.84%	-2.51%	2.67%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8489	2.10%	3.92%	1.65%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3849	0.00%	0.00%	-1.48%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2218	-0.29%	0.09%	2.40%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	956.5	0.00%	0.00%	1.00%		HPG
Than đá	USD/MT	122.75	-0.81%	-2.27%	3.76%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	3978	0.00%	0.00%	-1.27%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Chỉ số CPI tháng 1 của Hoa Kỳ tăng 0.3% so với T12*

VIỆT NAM:

- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính: ký ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 14/2/2024 về việc đảm bảo cung ứng điện, cung cấp than, khí cho sản xuất điện trong thời gian tới.
- Thủ tướng: yêu cầu tập trung cơ cấu lại 19 Tập đoàn Kinh tế, Tổng công ty Nhà nước theo các kế hoạch đã được phê duyệt.
- Bộ trưởng Tài chính: đánh giá trái phiếu doanh nghiệp là kênh huy động vốn tốt, dư địa phát triển lên tới 1.5 triệu tỷ đồng.
- NHNN: vừa ban hành công văn yêu cầu các TCTD đổi mới cơ chế điều hành, gỡ “nút thắt” tín dụng ngay từ những tháng đầu năm 2024 do tăng trưởng tín dụng đầu năm 2024 khá thấp so với các năm gần đây.
- NHNN: thông tư 22 không hạn chế việc cá nhân mua nhà thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai. Điều kiện "nhà đã hoàn thành theo hợp đồng mua bán nhà" chỉ áp dụng đối với khoản cho vay thế chấp nhà được áp dụng mức hệ số rủi ro thấp hơn so với các khoản vay bảo đảm bằng BĐS khác.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Chỉ số CPI T1 tăng 0.3% so với T12 và tăng 3.1% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này cao hơn dự báo trước đó của những nhà kinh tế với mức tăng 0.2% so với tháng trước và 2.9% so với năm ngoái.
 - EC: hạ dự báo tăng trưởng của khu vực Châu Âu trong năm 2024: Tăng trưởng GDP năm 2024 dự kiến đạt 0.8% (Trước đó: 1.2%). Tăng trưởng GDP năm 2025 dự kiến đạt 1.5%. Lạm phát năm 2024 dự kiến đạt 2.7%. Lạm phát năm 2025 dự kiến đạt 2.2%.
 - Eurozone: cán cân thương mại T12.2023 thặng dư 16.8 tỷ euro (Dự báo: +21.5 tỷ. Trước đó: +20.3 tỷ)
- Nhìn chung, thặng dư thương mại của khu vực đồng euro trong cả năm 2023 đạt 65.9 tỷ euro, cải thiện đáng kể so với mức thâm hụt 332.2 tỷ của năm 2022.
- Wall Street Journal: Trung Quốc đang cân nhắc hai chương trình mới nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản, phản ánh sự chuyển hướng về những lý tưởng xã hội chủ nghĩa.
 - Nhật Bản: kinh tế bất ngờ rơi vào suy thoái do nhu cầu trong nước yếu. GDP của Nhật Bản giảm 0.1% so với quý trước. Điều này cũng yếu hơn so với kỳ vọng về mức tăng trưởng 0.3%.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Xu hướng quốc tế tích cực, dòng tiền tiếp tục luân chuyển qua các lớp cổ phiếu đáy VN-Index tăng điểm.
- 20/2, Biên bản chính sách tiền tệ Úc; Lãi suất 1 và 5 năm Trung Quốc; CPI Canada; Báo cáo chính sách tiền tệ Anh. 21/2, Chỉ số niềm tin tiêu dùng EU. 22/2, Biên bản chính sách tiền tệ FOMC; PMI Úc, Anh, EU, Hoa Kỳ' Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 23/2, GDP công bố lần cuối và báo cáo môi trường kinh doanh Đức.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VIC	0.04%	1.47
GVR	0.05%	1.29
VNM	0.04%	1.24
TCB	0.03%	1.05
VHM	0.02%	0.97
HPG	0.02%	0.65
MBB	0.02%	0.65
MSB	0.08%	0.55
GAS	0.01%	0.51
VPB	0.01%	0.49
Tổng		8.87

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
BID	-0.01%	-0.57
VCB	0.00%	-0.55
ACB	-0.01%	-0.39
CTG	-0.01%	-0.33
HDB	-0.01%	-0.18
LGC	-0.06%	-0.17
STB	-0.01%	-0.14
LPB	-0.01%	-0.13
MWG	-0.01%	-0.11
BCM	-0.01%	-0.10
Tổng		-2.67

Khối ngoại mua ròng (HSX+HNX)

Mã	Mua ròng	SHNN
MSB	124.39	8.65
HPG	111.04	24.81
CII	83.13	
DIG	52.68	5.48
NVL	50.45	3.44
PVT	37.57	10.90
VIC	36.33	12.82
HHV	34.36	6.27
FUEVFN	31.72	
GVR	30.40	0.32
Tổng	592.08	

Khối ngoại bán ròng (HSX+HNX)

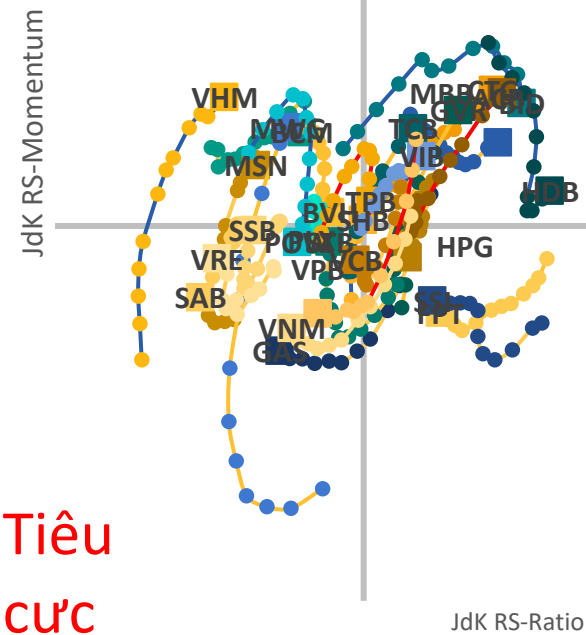
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	-254.87	55.16
STB	-165.56	23.50
MWG	-137.04	47.09
VND	-122.90	22.84
CTG	-102.61	27.20
VIX	-98.00	8.27
PDR	-90.88	7.22
VRE	-87.56	33.34
PVS	-79.02	21.48
VCG	-72.53	9.70
Tổng	-1210.98	

Vận động cổ phiếu VN30

ACB	108.7152	102.2243
BID	110.2473	103.2771
CTG	108.3998	103.6209
GVR	106.1517	103.089
HDB	112.0759	100.9307
MBB	108.9911	103.5537
TCB	103.2092	102.6029
TPB	100.4542	100.6634
VIB	103.7649	101.854
BCM	96.01015	102.4991
BVH	97.84331	100.3638
MSN	93.03637	101.6185
MWG	95.08926	102.6208
SHB	99.96363	100.156
VHM	90.98815	103.4381
VIC	89.66241	100.4362
FPT	104.9635	97.68532
HPG	102.8573	99.15763
SSI	104.4592	98.00233
VJC	102.2522	96.38777
GAS	94.57028	96.66707
PLX	96.61195	99.62846
POW	95.71278	99.57153
SAB	89.4249	98.09535
SSB	92.81562	99.88714
STB	97.80956	99.575
VCB	99.48014	99.09391
VNM	95.35745	97.27281
VPB	97.02807	97.66808
VRE	90.49699	99.12998

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

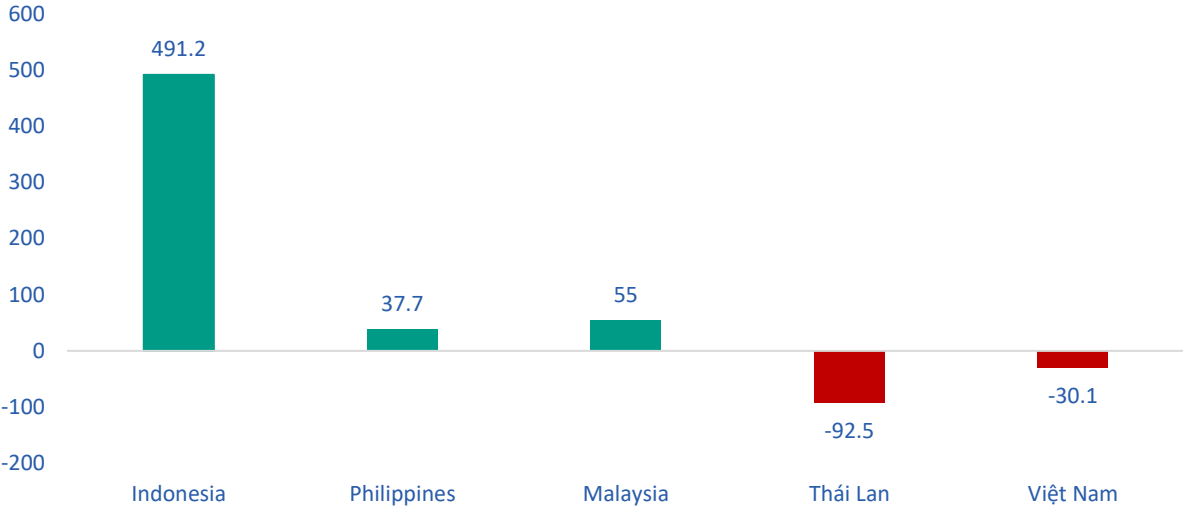
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	461.3	940.4	882.7	882.7
Indonesia	491.2	748.9	1283.1	1283.1
Philippines	37.7	88.2	167.9	167.9
Malaysia	55	157.4	302.7	302.7
Thái Lan	-92.5	-2.7	-872.7	-872.7
Việt Nam	-30.1	-51.4	1.7	1.7
Các nước khác	2,874.2	7,053.7	7,575.8	7,575.8
Hàn Quốc	1115.6	4622.7	6876.3	6876.3
Đài Loan	1883.8	3099.1	4514.8	4514.8
Ấn Độ	-123.9	-664.4	-3805	-3805
Sri Lanka	(1.30)	(3.70)	(10.30)	(10.30)

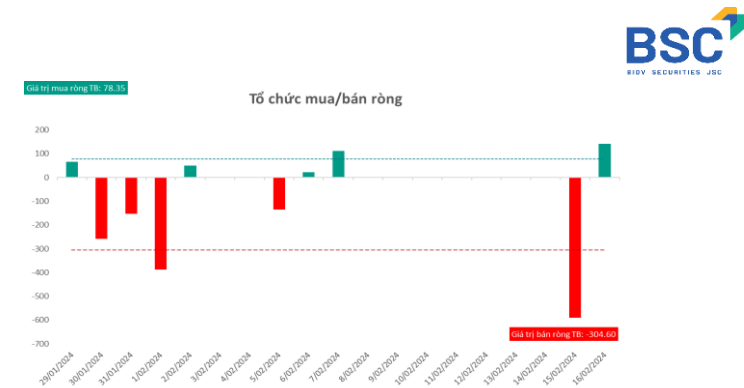
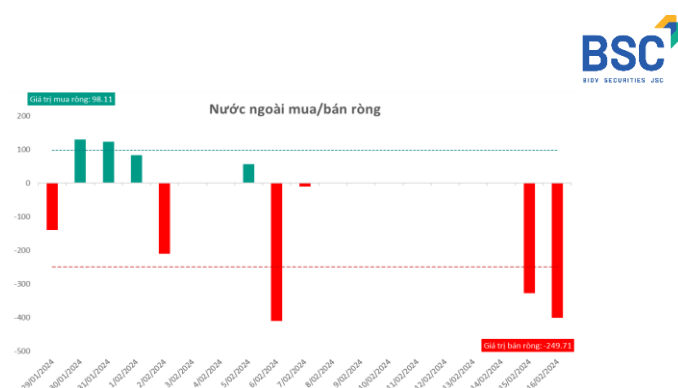
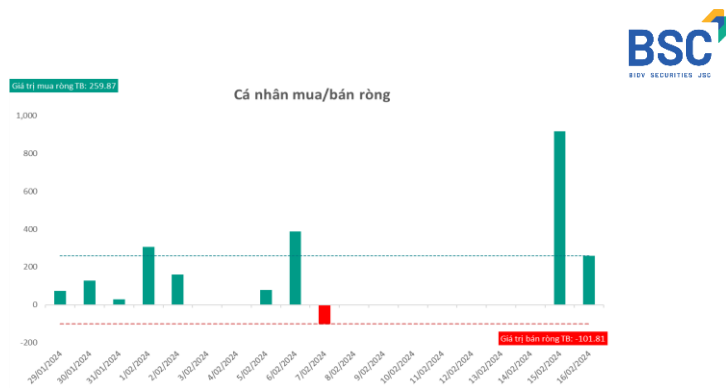


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24				Feb-24	
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6
Tổng	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)
ETF ngoại	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)
ETF nội	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua rông			Top bán rông			Top mua rông			Top bán rông			Top mua rông			Top bán rông		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
AAA	4,170,800	45.48	NVL	7,263,800	-128.29	MSB	8,370,200	124.39	VNM	3,721,184	-254.87	VNM	4,062,010	277.58	MSB	8,579,600	-127.79
E1VFN30	1,549,400	32.63	EIB	4,471,300	-84.94	HPG	3,868,109	111.04	STB	5,324,550	-165.56	STB	6,173,280	192.23	HPG	3,109,609	-89.39
GEX	1,167,600	25.89	HPG	2,078,200	-59.59	CII	4,377,081	83.13	MWG	2,967,200	-137.04	MWG	3,467,540	160.14	CII	4,364,081	-82.87
ASM	2,090,800	22.31	SSI	1,657,600	-58.23	DIG	1,860,573	52.68	VND	5,310,440	-122.90	VIX	7,197,908	129.65	GEX	2,617,919	-57.68
FPT	167,200	17.44	VSC	2,422,000	-53.43	NVL	2,824,185	50.45	CTG	2,894,979	-102.61	ACB	4,463,140	125.08	DIG	1,760,073	-49.88
VRE	731,200	16.47	FUEVFVND	1,672,500	-47.48	PVT	1,385,200	37.57	VIX	5,444,608	-98.00	CTG	3,281,946	116.28	AAA	4,294,900	-46.87
CRE	900,000	7.91	STB	1,192,900	-37.40	VIC	831,496	36.33	PDR	3,054,945	-90.88	VND	4,647,940	107.55	HHV	2,501,010	-39.79
VHM	142,100	6.26	MBB	1,537,910	-36.71	HHV	2,162,810	34.36	VRE	3,966,068	-87.56	VRE	3,992,968	87.72	PVT	1,282,400	-34.79
FRT	50,000	6.20	TCB	786,400	-30.15	FUEVFVND	1,116,700	31.72	VCG	2,841,711	-72.53	VPB	4,065,509	80.25	FRT	240,290	-29.88
DBC	184,600	5.23	VPB	1,498,000	-29.64	GVR	1,143,200	30.40	HDB	2,784,912	-65.05	PDR	2,650,145	78.79	ASM	2,581,200	-27.55

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	89.6	-0.30%	0.60	20,524.00	2.70	6,013.00	14.90	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	48.6	-0.80%	0.90	11,342.00	2.70	3,887.00	12.50	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	0.30%	1.10	6,454.00	6.00	1,532.00	13.00	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	38.5	0.30%	1.10	5,558.00	11.40	5,111.00	7.50	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	24	-0.60%	1.10	5,129.00	15.90	3,668.00	6.50	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	30.8	-1.40%	1.00	2,380.00	26.20	3,825.00	8.10	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	26.6	6.80%	1.50	4,369.00	8.30	583.00	45.70	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.4	1.30%	1.70	989.00	10.20	1,880.00	16.70	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	56.3	0.40%	1.10	761.00	4.50	3,177.00	17.70	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	53	1.70%	1.30	974.00	1.60	3,078.00	17.20	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.6	-0.30%	1.30	6,816.00	19.60	322.00	88.90	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	42.7	1.80%	1.30	7,620.00	10.50	9,468.00	4.50	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	2.30%	1.20	2,095.00	7.90	1,818.00	12.40	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.4	-0.20%	1.50	1,029.00	1.50	1,079.00	29.10	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	39.3	-0.10%	1.40	620.00	4.90	1,257.00	31.30	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	95.5	0.10%	1.50	1,486.00	10.00	8,146.00	11.70	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	34.1	0.30%	1.30	547.00	3.50	4,017.00	8.50	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	33.9	-0.30%	1.50	736.00	7.30	2,091.00	16.20	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	76.6	1.20%	0.80	7,210.00	3.20	5,283.00	14.50	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.3	0.00%	1.00	1,838.00	0.70	2,628.00	13.40	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	-0.50%	0.80	729.00	7.30	1,846.00	20.20	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	-0.30%	1.10	649.00	4.90	780.00	36.50	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.5	0.90%	0.80	1,104.00	1.40	609.00	18.90	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	70	3.60%	0.70	5,996.00	31.90	4,027.00	17.40	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	66.2	2.00%	1.70	3,882.00	7.40	570.00	116.10	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	46.3	1.00%	1.60	2,775.00	9.50	476.00	97.20	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	90.5	-0.40%	0.50	1,241.00	1.70	5,506.00	16.40	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	66.7	1.40%	0.90	614.00	1.90	4,793.00	13.90	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	69.8	0.40%	0.90	875.00	2.80	7,504.00	9.30	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	105.1	1.10%	0.70	5,470.00	8.90	5,095.00	20.60	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	35.2	0.70%	1.10	7,758.00	10.80	3,773.00	9.30	1.40	27.10%	16.10%
ACB	Ngân hàng	27.6	1.50%	0.80	4,393.00	10.70	4,131.00	6.70	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	23.3	-1.50%	0.80	2,762.00	5.80	2,926.00	8.00	1.60	19.60%	23.20%
LPB	Ngân hàng	18	-1.40%	0.80	1,882.00	2.70	2,179.00	8.20	1.30	2.60%	15.90%
VIB	Ngân hàng	22.1	0.00%	1.20	2,298.00	4.70	3,375.00	6.50	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	23.2	0.90%	1.60	1,158.00	30.50	1,662.00	14.00	1.70	22.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	18.9	0.30%	1.00	1,705.00	11.10	2,027.00	9.30	1.30	29.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	35	-0.30%	1.20	2,150.00	25.90	1,342.00	26.10	2.30	43.20%	9.00%
CII	Xây dựng	19.1	-0.50%	1.70	249.00	7.30	368.00	52.00	-4.70	6.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	0.00%	1.50	-	0.40	458.00	25.60	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	66.3	-1.00%	0.90	272.00	3.20	1,388.00	47.80	0.80	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.9	-0.60%	1.40	268.00	3.30	1,004.00	15.80	0.70	6.70%	4.20%
LCG	Xây dựng	13	-0.40%	1.40	103.00	2.70	456.00	29.00	1.00	2.10%	3.80%
BCM	KCN	63.6	-0.20%	0.90	2,698.00	1.50	432.00	147.40	3.90	2.10%	1.70%
HUT	KCN	19.2	0.50%	1.60	702.00	2.50	54.00	357.30	1.90	1.60%	1.30%
PHR	KCN	55.3	2.40%	1.10	307.00	1.20	4,592.00	12.00	2.00	15.80%	26.90%
SZC	KCN	42	1.30%	1.50	310.00	3.60	1,827.00	23.00	2.90	3.20%	10.90%
HSG	Vật liệu	23.4	-0.20%	1.70	590.00	6.90	1,321.00	17.70	1.30	22.10%	2.30%
HT1	Vật liệu	13.2	0.40%	1.40	206.00	0.10	44.00	296.60	1.10	3.10%	1.30%
NKG	Vật liệu	24.6	-0.60%	1.60	265.00	5.70	(974.00)	-25.20	1.30	16.00%	13.50%
PTB	Vật liệu	55.5	0.00%	0.50	152.00	0.40	4,721.00	11.80	1.40	20.90%	13.40%
KSB	Vật liệu	29.7	-1.00%	1.60	93.00	5.80	1,210.00	24.50	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17.7	1.10%	2.00	1,415.00	25.70	(309.00)	-57.30	0.90	3.50%	1.90%
DXG	BĐS	19	1.30%	2.00	560.00	10.80	(456.00)	-41.50	1.30	20.00%	3.40%
HDC	BĐS	31.4	1.30%	1.40	174.00	3.40	1,898.00	16.50	2.30	1.30%	16.90%
DIG	BĐS	27.8	0.50%	1.80	696.00	29.30	182.00	153.20	2.20	5.20%	1.10%
IJC	BĐS	15.2	-0.30%	1.40	157.00	1.30	1,569.00	9.70	1.00	5.90%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.9	0.50%	1.20	-	2.10	2,493.00	7.60	1.10	0.80%	9.70%
PVT	Dầu khí	27.5	2.80%	0.80	365.00	6.70	2,926.00	9.40	1.30	12.30%	16.40%
PLC	Vật liệu	32.4	0.00%	1.20	107.00	0.20	1,287.00	25.20	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	32	0.00%	0.80	156.00	1.10	2,086.00	15.30	2.10	13.60%	13.50%
REE	Tiện ích	58.7	0.70%	0.80	983.00	2.10	5,879.00	10.00	1.40	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	22.4	1.60%	1.90	780.00	17.50	511.00	43.80	1.60	12.60%	5.40%
NT2	Tiện ích	25.8	0.40%	0.90	304.00	0.70	1,718.00	15.00	1.70	13.40%	16.20%
HDG	Bất động sản	27	-0.60%	1.20	339.00	1.70	2,194.00	12.30	1.50	22.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	29.2	-2.00%	1.40	372.00	11.80	936.00	31.10	1.90	8.50%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.2	-0.40%	0.80	185.00	0.10	308.00	42.80	1.00	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.6	4.70%	1.80	188.00	4.90	(118.00)	-73.30	0.70	1.70%	0.30%
SAB	F&B	58	-0.70%	0.90	3,049.00	2.60	3,286.00	17.70	3.10	61.70%	18.70%
QNS	F&B	48.4	0.80%	0.60	-	2.40	6,134.00	7.90	2.00	15.50%	24.30%
FRT	Bán lẻ	124.5	-0.70%	0.70	695.00	2.20	(1,103.00)	-112.90	11.00	36.20%	11.80%
DGW	Bán lẻ	57.1	-0.70%	1.50	391.00	3.10	2,517.00	22.70	3.70	23.40%	21.90%
DBC	F&B	29	1.60%	1.50	286.00	14.10	(250.00)	-115.20	1.50	4.50%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.5	1.20%	1.30	112.00	0.40	735.00	34.70	1.50	1.00%	5.70%
BAF	F&B	25.6	-0.40%	0.30	150.00	1.80	139.00	183.80	2.10	0.30%	10.20%
ANV	Thủy sản	31.2	0.20%	1.30	170.00	1.60	314.00	99.30	1.70	3.00%	10.00%
VSC	Logistics	22.4	2.50%	1.20	246.00	4.30	1,010.00	22.20	1.10	2.50%	7.90%
HAH	Logistics	41.4	3.10%	1.50	179.00	6.00	4,676.00	8.90	1.70	3.90%	24.60%
CTR	Công nghệ	97.2	1.60%	0.90	456.00	1.00	4,346.00	22.40	6.20	10.10%	32.10%
TNG	Dệt may	20.8	-1.00%	1.10	97.00	1.10	2,030.00	10.20	1.50	18.60%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

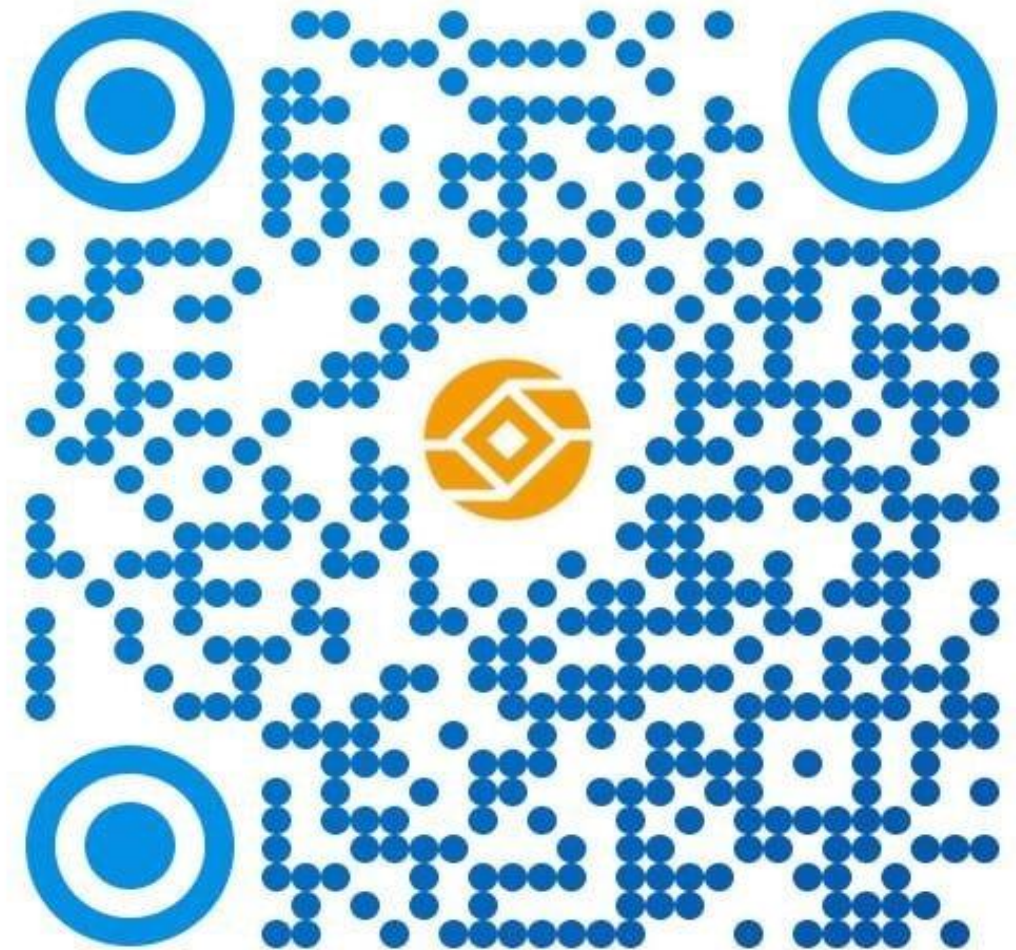
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký